TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 61/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 7 - 2025
"V/v xin ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Xuân Mâu và bà Hoàng Thị Thoan.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đỗ Thị Kiều Oanh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa***: Bà Chế Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án lý số 45/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2025 về việc: "Ly hôn, nuôi con chung". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 276/2025/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình (nay là Toà án nhân dân tỉnh Quảng Trị), giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm: 1997; căn cước công dân số: 044197010729 cấp ngày 13/9/2023 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; nơi ĐKHKTT trước khi xuất cảnh: Thôn B, xã B, tỉnh Quảng Trị (thôn B, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình cũ); hiện cư trú tại: BLK C Bukit B #01-380 S. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1994; căn cước công dân số: 044094007118 cấp ngày 14/02/2022 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; nơi ĐKHKTT trước khi xuất cảnh: Thôn B, xã B, tỉnh Quảng Trị (thôn B, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình cũ). Hiện đang sinh sống và làm việc tại Singapore nhưng không rõ địa chỉ. Vắng mặt lần thứ 2, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T tìm hiểu và yêu nhau tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 26/01/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống

hạnh phúc được một thời gian đến năm 2022 thì thống nhất bàn bạc cho anh T đi xuất khẩu lao động tại Singapore để cải thiện kinh tế gia đình. Năm 2023 vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không thể hòa hợp, không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn như ban đầu; khoảng cách địa lý xa xôi gây khó khăn cho vợ chồng khi giải quyết công việc gia đình, khiến cho cuộc sống hôn nhân đi vào bế tắc, không có cách giải quyết. Mặc dù anh chị đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn, được gia đình hai bên động viên, khuyên bảo nhưng không có kết quả, điều này đã làm ảnh hưởng đến cuộc sống của hai vợ chồng và con cái. Hiên nay chị D cũng đã qua Singapore để làm ăn, nhưng hai vợ chồng không ở gần nhau, chị không thể liên lạc với anh T. Nay chị D nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn thương yêu nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị D viết đơn kính đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình (nay là Toà án nhân dân tỉnh Quảng Trị) giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn T có 02 con chung: Cháu Nguyễn Quốc T1, sinh ngày 22/8/2018 và cháu Nguyễn Khánh N, sinh ngày 01/6/2022. Hiện nay, hai cháu đang sống cùng ông bà ngoại là ông Nguyễn Văn H, bà Phan Thị Y tại địa chỉ: thôn F, xã B, tỉnh Quảng Trị (xã M, huyện B, tỉnh Quảng Bình cũ). Nguyện vọng sau khi ly hôn chị D xin được tiếp tục nuôi hai con chung cháu Quốc T1, cháu Khánh N và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại chị D đang ở nước ngoài nên tạm giao cho bố mẹ chị D nuôi dưỡng hai con để không làm xáo trộn cuộc sống sinh hoạt, học tập của các cháu, khi nào chị về nước sẽ đón các cháu về nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị D không yêu cầu giải quyết.

Phía bị đơn anh Nguyễn Văn T: Theo Công văn số: 1054/CV-PA08 ngày 25/4/2025 của Phòng Quản lý xuất, nhập cảnh Công an tỉnh Q cung cấp thì anh Nguyễn Văn T hiện đã xuất cảnh ra nước ngoài ngày 09/4/2025 bằng hộ chiếu E00280270 qua SBQT Đ, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về Việt Nam. Sau khi thụ lý vụ án, do chị D không cung cấp được địa chỉ bên nước ngoài của anh T, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã tiến hành đăng tin thông báo về việc giải quyết ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn T trên kênh dành cho người nước ngoài của Đài VOV5; niêm yết tại địa phương nơi đăng ký HKTT của anh T trước khi xuất cảnh. Tuy nhiên, cho đến nay Toà án không nhận được phản hồi của anh T.

Tại biên bản xác minh ngày 22/4/2025 ông Nguyễn T2, bà Nguyễn Thị H1 (bố mẹ của anh Nguyễn Văn T) trình bày: Anh T đi xuất cảnh qua nước Singapore từ năm 2021 và anh thường xuyên liên lạc về gia đình; vừa qua anh cũng vừa về nước nhưng hiện nay đã qua lại Singapore. Việc chị D khởi kiện xin ly hôn, anh T đã biết và cũng đồng ý, mặc dù anh cũng muốn để hai vợ chồng hàn gắn nhưng không khắc phục được. Ông bà trình bày, vợ chồng anh T, chị D có hai con chung là cháu Nguyễn Quốc T1, Nguyễn Khánh N, hiện nay do bố mẹ đã đi nước ngoài nên hai cháu đang sinh sống với ông bà ngoại ở xã M (nay là xã B, tỉnh Quảng Trị). Về tài sản chung, nợ

chung của anh chị ông bà không biết gì. Việc anh chị ly hôn ông bà mong muốn các con hàn gắn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết, xét xử vụ án cũng như tại phiên toà, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Toà án và nguyên đơn trong vụ án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Phía bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Toà án triệu tập hợp lệ và thực hiện các thủ tục thông báo, tống đạt các văn bản hợp lệ nhưng vẫn không có mặt và không có ý kiến phản hồi trực tiếp mà chị phản hồi gián tiếp qua bố mẹ là ông Nguyễn T2, bà Nguyễn Thị N1. Chị Nguyễn Thị D cũng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 238, khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị D, anh T

- Về nội dung: Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn T. Về con chung: Giao 02 con chung cháu Nguyễn Quốc T1 và cháu Nguyễn Khánh N cho chị D nuôi dưỡng, do hiện tại chị D đang lao động ở nước ngoài nên giao bố mẹ chị D tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng 02 cháu khi nào chị về nước ông bà sẽ giao lại 02 cháu cho chị D chăm sóc nuôi dưỡng. Anh T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con 01 tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu Nguyễn Quốc T1 tròn 18 tuổi. Tài sản chung và nợ chung: Không xem xét. Án phí: Áp dụng Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc chị D chịu án phí HNGĐ sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác theo quy định. Anh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; nghe ý kiến của Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Theo Công văn số: 1054/CV-PA08 ngày 25/4/2025 của Phòng Quản lý xuất, nhập cảnh Công an tỉnh Q cung cấp thì chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn T hiện đã xuất cảnh ra nước ngoài; chị D đã xuất cảnh lần gần đây nhất từ ngày 01/10/2024, anh T đã xuất cảnh hất ngày 09/4/2025, theo Công văn nói trên thì chị D, anh T chưa có thông tin nhập cảnh về nước; chị D không cung cấp được địa chỉ cư trú bên nước ngoài của anh T. Tại bản Kết luận giám định số 699/KL-KTHS ngày 13/5/2025 của Phòng K Công an tỉnh Q kết luận: Dấu vân tay trên đơn khởi kiện là của chị Nguyễn Thị D. Như vậy, theo quy định tại khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình (nay là Toà án nhân dân tỉnh Quảng Trị).

[1.2] Do không xác định được địa chỉ cụ thể của bị đơn anh Nguyễn Văn T ở nước ngoài. Tòa án đã thực hiện niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú cuối cùng của anh T trước khi xuất cảnh; tiến hành tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho người thân của anh Nguyễn Văn T; tiến hành đăng thông tin thông báo cho anh Nguyễn Văn T trên Hệ thống phát thanh đối ngoại VOV5 đài tiếng nói Việt Nam vào các ngày 16, 17,18/6/2025 nhằm thông báo cho bị đơn biết việc nguyên đơn có yêu cầu ly hôn nhưng không có kết quả phản hồi của anh T.

[1.3] Toà án đã tiến hành các thủ tục cần thiết, ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập hợp lệ đến tham gia tại phiên toà đối với các đương sự nhưng anh Nguyễn Văn T đều vắng mặt. Chị Nguyễn Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227; Điều 228; điểm b khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố dụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Quảng Trị (xã M, huyện B, tỉnh Quảng Bình cũ) giấy chứng nhận kết hôn số 02, ngày 26/01/2018, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2022 anh T đi xuất khẩu lao động, năm 2023 vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm ngày càng phai nhạt, không có tiếng nói chung. Nguyên nhân do hai vợ chồng sống xa nhau, thiếu sự tin tưởng lẫn nhau. Xét thấy, đời sống chung của vợ chồng chị D, anh T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn thương yêu nhau nữa nên đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn với anh T; phía anh T tuy không có ý kiến phản hồi trực tiếp với Toà án, nhưng thông qua bố mẹ đẻ là ông Nguyễn T2, bà Nguyễn Thị N1 anh cũng gián tiếp đồng ý ly hôn với chị D. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D, xử cho chị D được ly hôn với anh Nguyễn Văn T là phù hợp.

[2.2] Về quan hệ nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng chị D, anh T có hai con chung là cháu Nguyễn Quốc T1, sinh ngày 22/8/2018 và cháu Nguyễn Khánh N, sinh ngày 01/6/2022. Hiện hai cháu đang sống cùng ông bà ngoại là ông Nguyễn Văn H, bà Phan Thị Y tại địa chỉ: Thôn F, xã B, tỉnh Quảng Trị (xã M, huyện B, tỉnh Quảng Bình cũ). Sau khi ly hôn, chị D có nguyện vọng được nuôi các con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Thấy rằng, tại đơn trình bày gửi cho Toà án cháu Nguyễn Quốc T1 có nguyện vọng xin được ở với mẹ Nguyễn Thị D nhưng vì mẹ đang đi lao động ở nước ngoài; cháu và em là Nguyễn Khánh N đang ở cùng với ông bà ngoại ông Nguyễn Văn H, bà Phan Thị Y. Đơn trình bày ý kiến ngày 24/7/2025 của ông Nguyễn Văn H, bà Phan Thị Y là ông bà ngoại của các cháu trình bày do hiện nay chị D đang sinh sống và làm

việc ở Singapore nên chị đã nhờ vợ chồng ông bà chăm sóc nuôi dưỡng các con của chị cho đến khi chị về nước để không làm xáo trộn môi trường sinh hoạt, học tập của các cháu; hiện nay các con của chị D, anh T sống cùng ông H, bà Y đều phát triển tốt, cháu T1 có nguyện vọng được sống với mẹ; cháu Khánh N hiện nay mới 03 tuổi. Do đó, để đảm bảo cho hai cháu được học tập và phát triển bình thường, cần giao cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu. Do chị D hiên nay chưa về Việt Nam nên tạm giao cho ông H, bà Y là bố mẹ nguyên đơn chị D có trách nhiệm nuôi dưỡng hai cháu Quốc T1, Khánh N, khi nào chị D về Việt Nam thì ông H, bà Y có nghĩa vụ giao hai cháu cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con chị D không yêu cầu anh T đóng góp, nên chấp nhận sự tự nguyện này của chị D.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con còn có quyền và nghĩa vụ qua lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

[3] Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị D không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chi phí tố tụng: Quá trình thu thập chứng cứ và chi phí tố tụng hết 6.660.000 đồng (Sáu triệu, sáu trăm sáu mươi nghìn đồng) nên cần buộc chị D phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng (chị D đã nộp đủ).

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị D, anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 469; Điều 464; Điều 474; điểm b khoản 5 Điều 477 và Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Nguyễn Văn T

2. Về quan hệ nuôi con chung*:* Giao các con là Nguyễn Quốc T1, sinh ngày 22/8/2018 và Nguyễn Khánh N, sinh ngày 01/6/2022 cho chị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm giao hai cháu Quốc T1, Khánh N cho ông Nguyễn Văn H, bà Phan Thị Y nuôi dưỡng và có nghĩa vụ giao lại hai cháu cho chị Nguyễn Thị D khi chị D về Việt Nam sinh sống. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị D về việc không yêu cầu anh Nguyễn Văn T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, các đương sự đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí, chi phí tố tụng khác: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai số 0005294 ngày 10/3/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị). Chị D phải chịu chi phí tố tụng khác 6.660.000 đồng (Sáu triệu, sáu trăm sáu mươi nghìn đồng). Chị D đã nộp đủ tiền án phí và chi phí tố tụng.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định. Anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- UBND xã Bắc Trạch, tỉnh Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Minh